

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HC-PT
Ngày: 21/11/2019
V/v khiếu kiện quyết định
hành chính trong lĩnh vực
đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mỹ.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Tấn.
Ông Nguyễn Văn Vững.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tón – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2019/TLHC-PT ngày 28 tháng 6 năm 2019, về Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2013/HC-ST ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo và Bản án hành chính phúc thẩm số: 13/2015/HC-PT ngày 14/12/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp bị hủy;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2019/QĐ-PT ngày 27 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

1.1. Ông Phan Văn S, sinh năm 1975;

1.2. Bà Trần Thị P, sinh năm 1975 (vợ anh S).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị P: Anh Phan Thi A, sinh năm: 1993 (văn bản ủy quyền ngày 20/11/2019).

Cùng địa chỉ: ấp 1, xã N, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Người bị kiện:*

2.1. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Mai Văn S - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T: Bà Lê Thị Y – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T (văn bản ủy quyền ngày 05/9/2019).

Cùng địa chỉ: Số 324, đường Nguyễn H, ấp 2, thị trấn R, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T: Ông Nguyễn Thanh G – Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: Ấp 2, thị trấn R, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. *Người kháng cáo:* Ông Phan Văn S và bà Trần Thị P là người khởi kiện.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người khởi kiện Phan Văn S, Trần Thị P trình bày:

Vợ chồng ông có đất canh tác (lúa) tọa lạc ấp 1, xã N, huyện T, vào ngày 09/9/2009 Ủy ban nhân dân huyện T đã thu hồi diện tích 2.129m² làm tuyến dân cư Bắc viện - bờ Đông kênh Tân Thành và bồi thường với giá 40.000đ/m², vợ chồng ông đã nhận tiền bồi thường xong, không có khiếu nại tranh chấp, đến ngày 11/9/2009 Ủy ban nhân dân Huyện tiếp tục thu hồi thêm diện tích 22.800 m² phần thửa 33, 38, 37, 28 để làm bãi vật liệu đổ tuyến dân cư Bắc viện (theo Quyết định 1689 ngày 11/9/2009 của UBND huyện T thu hồi đất của bà Trần Thị P (chồng Phan Văn S), đến ngày 25/9/2009 UBND Huyện ban hành Quyết định số 1951 bồi thường hỗ trợ trên đất với giá là 35.000đ/m², hỗ trợ 4NK x 3 tháng x 30kg gạo x 8.000 đ/kg ông không đồng ý giá bồi thường và yêu cầu bồi thường với giá 70.000đ/m² và lấy đất đi thì phải trả hàm lại cho ông, sau đó UBND Huyện ban hành Quyết định 343 ngày 02/4/2010 giải quyết khiếu nại của ông nâng giá bồi thường là 40.000đ/m², tiếp theo UBND Huyện ban hành Quyết định 543 ngày 28/4/2010 bồi thường hỗ trợ bổ sung, vợ chồng ông không

thống nhất giá bồi thường nên đã ngăn chặn không cho Kobe mức đất, sau đó UBND Huyện ban hành Quyết định số 06 ngày 09/02/2011 cưỡng chế buộc vợ chồng ông giao đất, sau đó ông khiếu nại lên UBND Tỉnh được giải quyết bằng Quyết định số 37 ngày 01/7/2011 giữ nguyên Quyết định 343 của UBND huyện T. Đến ngày 27/12/2011 ông khởi kiện đến Tòa án T yêu cầu hủy Quyết định 1951 và Quyết định 343, tại phiên tòa sơ thẩm ông rút đơn khởi kiện đối với yêu cầu hủy Quyết định 1951, Tòa án sơ thẩm bác yêu cầu của ông, Tòa án phúc thẩm xử hủy bản án sơ thẩm.

Nay vợ chồng ông yêu cầu Tòa án hủy 05 Quyết định hành chính của UBND huyện T như sau:

- Quyết định 1689 ngày 11/9/2009 của UBND huyện T thu hồi đất của bà Trần Thị P (chồng là Phan Văn S) xã N, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Quyết định 1951 ngày 25/9/2009 của UBND huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại giải phóng mặt bằng tuyến dân cư kênh Bắc viện - bờ Đông kênh Tân Thành cho bà Nguyễn Thị P xã N, Huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Quyết định 343 ngày 02/4/2010 của chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị P (chồng Phan Văn S).

- Quyết định 543 ngày 28/4/2010 của UBND huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại giải phóng mặt bằng tuyến dân cư Bắc viện - bờ Đông kênh Tân Thành (bổ sung) cho bà Trần Thị P (chồng Phan Văn S).

- Quyết định 06 ngày 09/02/2011 của UBND huyện T cưỡng chế thi hành Quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Đồng thời yêu cầu bồi thường như sau:

- + Bồi thường giá đất theo Nghị định 69 của Chính phủ: $200.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 21.322\text{m}^2 = 4.264.400.000\text{đ}$.

- + Bồi thường, hỗ trợ đời sống theo Nghị định 69 của Chính phủ: $5\text{NK} \times 12 \text{ tháng} \times 30\text{kg}/\text{tháng} \times 12.000\text{đ} = 21.600.000\text{đ}$.

- + Bồi thường tiền lãi theo lãi suất của Ngân hàng đối với số tiền 4.264.400.000đ.

- + Bồi thường chi phí hè thu 2010: $560.000\text{đ}/1 \text{ công} \times 21.322\text{m}^2 = 11.940.000\text{đ}$.

- + Bồi thường tiền đo đất 7.500.000đ.

Vợ chồng ông yêu cầu hủy các Quyết định trên và bồi thường giá đất theo Nghị định 69 của Chính phủ bởi vì thực tế UBND huyện T thu hồi đất năm 2010 cụ thể là từ ngày 01/4/2010 xã huyện mới nghiêm cấm không cho ông

canh tác đất, nhưng lại ban hành Quyết định thu hồi trước để bồi thường với giá thấp và không có giao cho ông các Quyết định 1689, 1951, 543, đối với Quyết định 343, 06 Huyện có giao cho ông nhận. Lúc thu hồi thì Huyện không có đo đạc đất, đất ông ngoài tuyến dân cư muốn thu hồi thì phải thỏa thuận giá với chủ đất, UBND Huyện tự ý thu hồi mà ông không biết.

Tại Tòa án cấp sơ thẩm ông Bùi Đức M đại diện theo ủy quyền của UBND huyện T và Chủ tịch UBND huyện T trình bày:

UBND huyện T thực hiện dự án tuyến dân cư kênh Bắc viện - Bờ đông kênh Tân Thành, thuộc xã N, huyện T là căn cứ vào Quyết định 1268 ngày 12/11/2008 của UBND tỉnh Đồng Tháp phê duyệt kế hoạch thực hiện công trình xây dựng cụm tuyến dân cư. . . , căn cứ Quyết định 499 ngày 13/7/2009 của UBND Huyện phê duyệt qui hoạch chi tiết điều chỉnh tuyến dân cư, trong đó có thu hồi, bồi thường đất của bà Trần Thị P (chồng là Phan Văn S) theo Quyết định 1689, 1951, 343, 543, 06. Việc ban hành các quyết định này là đúng trình tự thủ tục theo quy định của Nghị định 197/2004 và Nghị định 84/2007 của Chính phủ, Luật khiếu nại.

UBND huyện T và Chủ tịch UBND huyện T không đồng ý yêu cầu của ông Phan Văn S và bà Trần Thị P.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2013/HC-ST ngày 06/5/2013 của Tòa án nhân dân huyện T:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 104; điểm đ khoản 1, Điều 120; điểm a khoản 2 Điều 163 Luật Tổ tụng hành chính và Pháp lệnh về án phí, lệ phí của Tòa án.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà Trần Thị P, ông Phan Văn S đối với yêu cầu hủy Quyết định 1689 ngày 11/9/2009 của UBND huyện T thu hồi đất của bà Trần Thị P (chồng là Phan Văn S) xã N, Huyện T, tỉnh Đồng Tháp và đối với yêu cầu hủy Quyết định 06 ngày 09/02/2011 của UBND huyện T cưỡng chế thi hành Quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Bác yêu cầu của bà Trần Thị P, ông Phan Văn S đối với các yêu cầu hủy:

+ Quyết định 1951 ngày 25/9/2009 của UBND huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại giải phóng mặt bằng tuyến dân cư kênh Bắc viện - bờ Đông kênh Tân Thành cho bà Nguyễn Thị P xã N, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

+ Quyết định 343 ngày 02/4/2010 của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị P (chồng Phan Văn S), ngụ ấp 1, xã N, huyện T.

+ Quyết định 543 ngày 28/4/2010 của UBND Huyện T về việc bồi

thường, hỗ trợ thiệt hại giải phóng mặt bằng tuyến dân Cư Bắc viện - bờ Đông kênh Tân thành (bổ sung) cho bà Trần Thị P (chồng Phan Văn S) xã N, Huyện T, Đồng Tháp.

Bác yêu cầu của bà Trần Thị P, ông Phan Văn S đối với các yêu cầu bồi thường về giá đất, bồi thường hỗ trợ trên đất, bồi thường lãi suất, bồi thường chi phí vụ hè thu 2010, bồi thường tiền đo đất.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/5/2013, bà Trần Thị P, ông Phan Văn S kháng cáo không thống nhất với toàn bộ nội dung bản án, yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết những vấn đề sau:

- Diện tích 21.322 m² nằm ngoài phần đất quy hoạch tuyến dân cư kênh Bắc viện, UBND huyện lấy đất mà không có quyết định thu hồi, không có biên bản đo đạc thực tế.

- Vì đất không có quy hoạch nên bồi thường giá 40.000đ/1m² là không thỏa đáng, mà phải theo giá thỏa thuận giữa Nhà nước với dân.

- UBND huyện cho rằng xin ý tính lấy đất của ông và các hộ xung quanh nhưng chỉ lấy đất của ông và hộ ông Lý.

Sau khi xét xử phúc thẩm, Chủ tịch Ủy ban nhân huyện T có đơn đề nghị xem xét lại Bản án hành chính phúc thẩm số 13/2015/HC-PT ngày 14/12/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp theo thủ tục giám đốc thẩm.

Đến ngày 21/02/2019, Tòa án nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử vụ án trên và tuyên:

Hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 13/2015/HC-PT ngày 14/12/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp để xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Phan Văn S, bà Trần Thị P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ông Nguyễn Thanh G – người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện T, Chủ tịch UBND huyện T trình bày:

Việc ban hành các Quyết định 1689 ngày 11/9/2009 của UBND huyện T, Quyết định số 1951 ngày 25/9/2009 của UBND huyện T, Quyết định số 343 ngày 02/4/2010 của Chủ tịch UBND huyện T, Quyết định số 543 ngày 28/4/2010 của UBND Huyện T, Quyết định số 06 ngày 09/02/2011 của UBND huyện T là đúng trình tự thủ tục theo quy định của Nghị định 197/2004 và Nghị

định 84/2007 của Chính phủ, Luật khiếu nại. Do đó, đề nghị không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng theo quy định của Luật tố tụng hành chính từ khi thụ lý đến khi xét xử, đảm bảo cho các đương sự được thực hiện quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở ý kiến trình bày của các bên đương sự, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2]. Đơn kháng cáo của ông Phan Văn S và bà Trần Thị P trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm. Do đó, đơn kháng cáo là hợp lệ.

[3]. Ông Phan Văn S và bà Trần Thị P kháng cáo yêu cầu hủy Quyết định số: 1689/QĐ-UBND.NĐ ngày 11/9/2009, Quyết định số: 1951/QĐ-UBND.NĐ ngày 25/9/2009 của Ủy ban nhân dân huyện T, Quyết định số: 343/QĐ-UBND.NĐ ngày 02/4/2010 của Chủ tịch UBND huyện T, Quyết định số: 543/QĐ-UBND.NĐ ngày 28/4/2010 của Ủy ban nhân dân huyện T, Quyết định số: 06/QĐ-UBND.CC ngày 9/2/2011 Ủy ban nhân dân huyện T với lý do:

Phần đất 22.800 m² của ông, bà nằm ngoài quy hoạch tuyến dân cư kênh Bắc viện UBND Huyện lấy đất mà không có quyết định thu hồi, không có biên bản đo đạc thực tế, vì đất không có quy hoạch nên bồi thường giá 40.000đ/1m² là không thỏa đáng, mà phải theo giá thỏa thuận giữa Nhà nước với dân.

Bản án số 02/2013/HCST ngày 06/5/2013 của Tòa án nhân dân huyện T đã đình chỉ giải quyết đối với các Quyết định số: 1689 ngày 11/9/2009, Quyết định số: 06 ngày 09/2/2011 vì cho rằng ông S khởi kiện ngày 08/11/2012 đối với các quyết định trên là hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a, khoản 2 điều 104 Luật tố tụng hành chính.

[4]. Các Quyết định số: 1951/QĐ-UBND.NĐ ngày 25/9/2009, số 343/QĐ-UBND.NĐ ngày 02/4/2010, số 543/QĐ-UBND.NĐ ngày 28/4/2010 là các quyết định giải quyết khiếu nại và quyết định về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại giải phóng mặt bằng tuyến dân cư kênh Bắc viện – bờ Đông kênh Tân Thành cho bà Trần Thị P (chồng Phan Văn S) nên khi ông S khởi kiện lần đầu tiên vào ngày 27/12/2011 là còn thời hiệu, các quyết định này có liên quan đến các quyết định thu hồi đất số 1689/QĐ-UBND.NĐ ngày 11/9/2009 và quyết định cưỡng chế số 06/QĐ-UBND.NĐ ngày 09/02/2011. Cho nên khi xem xét các quyết định trên Hội đồng xét xử phải xem xét các quyết định có liên quan theo quy định tại khoản 1 điều 163 Luật tổ tụng hành chính để đánh giá tính hợp pháp của các quyết định này. Việc đình chỉ giải quyết của Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm là chưa đủ căn cứ.

- Về thẩm quyền ban hành Quyết định 1689/QĐ –UBND.NĐ ngày 11/9/2009, Quyết định 1951/QĐ-UBND.NĐ ngày 25/9/2009 của Ủy ban nhân dân huyện T, Quyết định 343/QĐ-UBND.NĐ ngày 02/4/2010 của Chủ tịch UBND huyện T, Quyết định 543/QĐ-UBND.NĐ ngày 28/4/2010 của Ủy ban nhân dân huyện T, Quyết định 06/QĐ-UBND.CC ngày 09/02/2011 Ủy ban nhân dân huyện T (gọi tắt là Quyết định 1689, 1951, 343, 543, 06). Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T đã căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân; Luật đất đai năm 2003; Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai là đúng quy định của pháp luật.

- Về trình tự thủ tục:

Ông Phan Văn S và bà Trần Thị P có diện tích đất lúa 22.800 m² ở các thửa 33, 38, 37, 28 quyền sử dụng cấp ngày 10/3/1994 tên Phan Văn S được thu hồi làm bãi vật liệu thuộc tuyến dân cư kênh Bắc viện – bờ Đông Tân Thành, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Ngoài ra, ông S còn có một phần đất 2.129m² cũng thuộc tuyến dân cư trên đã thu hồi và bồi thường theo Quyết định số: 1922 ngày 11/9/2009 ông không khiếu nại.

Tuyến dân cư kênh Bắc viện – bờ Đông kênh Tân Thành, xã N, huyện T được UBND Tỉnh phê duyệt bằng các Quyết định như sau:

- Quyết định số: 1268 ngày 12/11/2008 về việc phê duyệt kế hoạch về việc thực hiện chương trình xây dựng cụm tuyến dân cư giai đoạn 2.

- Quyết định số: 576 ngày 22/5/2009 phê duyệt phương án bồi thường tổng thể dự án tuyến dân cư kênh Bắc viện – Bờ đông kênh Tân Thành, xã N, huyện T (giai đoạn 2) diện tích thu hồi là 168.144 m².

- Quyết định số: 1198 ngày 14/9/2009 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tuyến dân cư kênh Bắc viện – bờ đông Tân Thành (giai đoạn 2), trong đó có phần diện tích san lấp tuyến dân cư (bãi vật liệu) là 45.600m² theo Văn bản số 1400 của Sở Tài chính Tỉnh.

- Quyết định số: 214 ngày 19/3/2010 phê duyệt phương án bồi thường điều chỉnh bổ sung tuyến kênh Bắc viện – bờ đông.

Căn cứ vào Quyết định số: 1268 trên ngày 30/3/2009 UBND huyện T ra Quyết định 179 về phê duyệt chi tiết tuyến kênh Bắc viện – bờ Đông, tổng diện tích đất là 87.544 m² do Phó Chủ tịch ông Nguyễn Thành K ký (bút lục số 61, 62). Cũng trong ngày 30/3/2009, Ủy ban nhân dân huyện T do Phó Chủ tịch ông Phạm Văn I ký ban hành Quyết định số 179/QĐ-UBND.HC phê duyệt quy hoạch chi tiết tuyến dân cư kênh Bắc viện – bờ Đông kênh Tân Thành, xã N với tổng diện tích quy hoạch là 168.144 m², trong đó có bãi vật liệu đường xe 80.600 m². Ngày 22/5/2009, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số 576/QĐ-UBND-HC phê duyệt phương án bồi thường tổng thể dự án tuyến dân cư Bắc viện – bờ Đông kênh Tân Thành giai đoạn 2, huyện T, tổng diện tích 168.144 m² (bút lục số 71). Như vậy, việc Ủy ban nhân dân huyện T ban hành 02 quyết định cùng ngày cùng số nhưng do hai người ký và diện tích có sự điều chỉnh trước khi có Quyết định số 576/QĐ-UBND-HC ngày 22/5/2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về điều chỉnh diện tích là không đúng trình tự, thủ tục ban hành. Tuy nhiên, ngày 13/7/2009 Ủy ban nhân dân huyện T ra Quyết định 499/QĐ-UBND.HC thay thế cho 02 Quyết định 179/QĐ-UBND.HC cùng ngày 30/3/2009 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết điều chỉnh tuyến kênh Bắc viện – bờ Đông kênh Tân Thành với tổng diện tích quy hoạch là 121.513 m², trong đó có bãi vật liệu 45.600 m² nêu trên, là phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngày 11/9/2009, Sở Tài chính ban hành văn bản số 1400 là căn cứ vào quyết định 499 ngày 13/7/2009 để đề nghị UBND Tỉnh phê duyệt phương án bồi thường giai đoạn 2 nên ngày 14/9/2009 UBND Tỉnh mới phê duyệt bằng Quyết định 1198.

- Quyết định số: 1689 ngày 11/9/2009 của UBND Huyện: V/v thu hồi phần đất của bà Trần Thị P (vợ ông S).

Nội dung thu hồi đất của bà Trần Thị P (chồng là S).

Đất đo đạc thực tế: diện tích 22.800 m², TĐĐ số 6, một phần thửa 466-33-38-37-28, mục đích Sd: Lúa.

Diện tích này thu hồi làm bãi vật liệu.

Quyết định này được niêm yết tại UBND xã ngày 26/9/2009 vì ông S không chịu ký biên bản.

Sau khi UBND ra quyết định thu hồi đất số 1689 ngày 11/9/2009. Ngày 12/9/2009, UBND kiểm tra đo đạc đất ông S nhưng trong bản đồ vẽ này thể hiện không đúng với thực tế. Cho nên, khi cưỡng chế năm 2011 mới phát hiện đất ông S là 21.464,3 m², còn lại diện tích 1.335,7 m² là của ông T1 (em ông S).

Như vậy nếu UBND thu hồi đất của ông S ngày 11/9, kiểm kê tài sản của ông S ngày 12/9, Văn bản của Sở Tài chính ngày 11/9, phê duyệt phương án bồi thường của UBND Tỉnh ngày 14/9, đến ngày 25/9/2009 bồi thường cho bà P bằng Quyết định 1951 là vi phạm về mặt thời gian.

- Quyết định số 1951 ngày 25/9/2009 UBND Huyện: V/v bồi thường, hỗ trợ thiệt hại giải phóng mặt bằng tuyến dân cư kênh Bắc Viện – bờ Đông kênh Tân Thành cho bà Trần Thị P xã N, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, tổng số tiền là 800.880.000 đồng.

- Quyết định số 343 ngày 02/4/2010 của Chủ tịch UBND Huyện V/v giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị P (chồng là S). Điều chỉnh Quyết định 1951, bồi thường bổ sung cho bà P, tổng số tiền là 144.000.000 đồng.

- Quyết định số 543 ngày 28/4/2010 của UBND Huyện. Bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho bà P, tổng số tiền là 144.000.000 đồng.

Tuy nhiên kể từ khi có quyết định bồi thường ngày 25/9/2009 thì đến ngày 11/9/2010 UBND mới gửi tiền vào kho bạc.

- Ngày 09/02/2011 UBND huyện T ra Quyết định 06 cưỡng chế thi hành Quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà P (chồng là ông S).

Từ việc vi phạm trình tự thủ tục tại các điều 52, 53, 55, 56 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính Phủ như Quyết định thu hồi đất ban hành

trước khi ra Quyết định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt, không kiểm tra hiện trường về diện tích đất đối với trường hợp có mâu thuẫn về diện tích, không thực hiện niêm yết phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dẫn đến việc cưỡng chế đất không đúng làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông S, bà P. Do đó Bản án sơ thẩm đã không xem xét đến các vi phạm về trình tự thủ tục khi ban hành các quyết định của Ủy ban nhân dân, chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện để xem xét quyền lợi chính đáng của ông S, bà P mà đã bác yêu cầu khởi kiện của ông S và bà P là chưa có căn cứ vững chắc.

[6]. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông S và người đại diện theo ủy quyền của bà P là anh A yêu cầu hủy các Quyết định 1689, 1951, 343, 543, 06 là có căn cứ. Riêng yêu cầu UBND huyện T ra quyết định thu hồi đất và bồi thường cho ông bà theo quy định của Nghị định 69, do Nghị định 69 hết hiệu lực nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của ông S và bà P, sửa bản án sơ thẩm, hủy các Quyết định 1689, 1951, 343, 543, 06 của Ủy ban nhân dân huyện T, Chủ tịch UBND huyện T.

[7]. Sau khi UBND Huyện ra các quyết định, ông S khiếu nại đến UBND Tỉnh, UBND Tỉnh ra quyết định số 37 bác đơn khiếu nại của ông S. Do các quyết định bị hủy nên Hội đồng xét xử kiến nghị UBND tỉnh Đồng Tháp thu hồi Quyết định số 37/QĐ-UBND-NĐ ngày 07/01/2011.

[8]. Về yêu cầu bồi thường tiền lãi Ngân hàng đối với số tiền sẽ được bồi thường theo Nghị định 69, bồi thường chi phí vụ hè thu 2010 của ông S thì do các Quyết định thu hồi, bồi thường hỗ trợ bị hủy nên Hội đồng xét xử cũng không xem xét giải quyết các yêu cầu trên.

[9]. Đối với yêu cầu UBND huyện T phải trả chi phí đo đạc đất là 7.500.000đ của ông S, bà P. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc đo đạc đất đã được Ủy ban nhân dân thực hiện khi cưỡng chế năm 2011 là 21.464,3m², đến khi ông S yêu cầu thẩm định lại ngày 19/3/2012 là 21.484,87m² chênh lệch sai số không lớn trong mức cho phép, nên ông S và bà P phải chịu toàn bộ chi phí trên.

[10]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[11]. Do sửa Bản án hành chính sơ thẩm nên ông Phan Văn S, bà Trần Thị P không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

[12]. Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ Luật đất đai năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận 01 phần kháng cáo của ông Phan Văn S và bà Trần Thị P.
- Sửa bản án hành chính sơ thẩm số 02/2013/HC-ST ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Tòa án nhân dân huyện T.
- Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn S và bà Trần Thị P.
- Hủy các Quyết định như sau:
 - + Quyết định số 1689/QĐ-UBND.NĐ ngày 11/9/2009 của UBND huyện T: V/v thu hồi phần đất của bà Trần Thị P (chồng Phan Văn S).
 - + Quyết định số 1951/QĐ-UBND.NĐ ngày 25/9/2009 UBND huyện T: V/v bồi thường, hỗ trợ thiệt hại giải phóng mặt bằng tuyến dân cư kênh Bắc Viện – bờ Đông kênh Tân Thành cho bà Trần Thị P xã N, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.
 - + Quyết định số 343/QĐ-UBND.NĐ ngày 02/4/2010 của Chủ tịch UBND Huyện V/v giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị P (chồng Phan Văn S).
 - + Quyết định số 543 ngày 28/4/2010 của UBND huyện T: V/v bồi thường, hỗ trợ thiệt hại giải phóng mặt bằng tuyến dân cư kênh Bắc Viện – bờ Đông kênh Tân Thành (bổ sung) cho bà Trần Thị P xã N, huyện T, tỉnh

Đồng Tháp.

+ Quyết định số 06/QĐ-UBND.CC ngày 09/2/2011 của UBND huyện T cường chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà Trần Thị P (chồng Phan Văn S).

- Ông Phan Văn S và bà Trần Thị P phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ là 7.500.000 đồng (đã thanh toán xong).

- Về án phí: Ủy ban nhân dân huyện T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Trả lại cho ông Phan Văn S, bà Trần Thị P 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm theo biên lai số 007156 ngày 03/01/2012, 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm theo biên lai số 007145 ngày 19/6/2012, và 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm theo biên lai số 006838 ngày 07/5/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, THC (H).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Mỹ